

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DSST

Ngày 03/7/2025

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Sáng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sỹ Danh Huệ

Bà Nguyễn Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính, Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Xuân Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 10 - Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 64/2025/TLST-DS ngày 18/4/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2025/QĐXXST-DS ngày 03/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-DS ngày 23/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1945 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm T, thôn P, xã K, Tp . (xã N, huyện Q cũ).

- Bị đơn: + Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1949 (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1951 (xin vắng mặt)

+ Chị Lê Thị Mỹ U, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm T, thôn P, xã K, Tp . (xã N, huyện Q cũ).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2025 của bà Nguyễn Thị C và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Năm 2018, gia đình ông T gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 (vợ ông T), chị Lê Thị Mỹ U (con dâu ông T) có vay tiền số tiền là 240.000.000đ. Hai bên lập giấy xác nhận vay tiền đề ngày 11/8/2018 và thoả thuận như sau: Thời hạn vay là 02 năm, khi lấy gốc thì tôi báo trước một đến hai tháng, lãi suất vay là 2.400.000đ/tháng tương đương với 1%/tháng nhưng do tính toán bị nhầm

nên trong giấy có ghi lãi suất là 0,1%/tháng nhưng có ghi cụ thể số tiền lãi hàng tháng mà gia đình ông T phải trả là 2.400.000đ.

Đến tháng 4/2022, tôi có nhu cầu sử dụng tiền nên có yêu cầu nhà ông T trả nợ nhưng gia đình ông T không trả được nợ cho tôi nên ngày 11/4/2022 chị U (con dâu ông T) có hứa và viết giấy nhận trách nhiệm trả lãi cho tôi hàng tháng và khi nào có tiền gốc thì sẽ trả cả gốc lẫn lãi. Chị U trả lãi cho tôi được đến ngày 30/4/2023 thì không trả lãi cho tôi nữa.

Đến ngày 14/10/2023, tôi và ông T, bà T1, chị U có lập biên bản theo đó hai bên thoả thuận lại, tôi đồng ý miễn lãi cho gia đình ông T và hàng tháng gia đình ông T trả cho tôi 5.000.000đ vào nợ gốc, nếu không trả được vào nợ gốc thì phải chịu tiền lãi theo mức thoả thuận ban đầu là 1%/tháng. Thời điểm bắt đầu trả vào nợ gốc là ngày 10/11/2023. Sau đó, từ 10/11/2023 đến 10/5/2024, chị U trả cho tôi 07 lần mỗi lần 5.000.000đ vào nợ gốc và sau đó không trả được tôi thêm đồng nào nữa. Nên tính đến 10/5/2024, ông T, bà T1, chị U còn nợ tôi 205.000.000đ nợ gốc.

Nay tôi yêu cầu Toà án buộc ông T, bà T1, chị U trả lại tôi số tiền nợ gốc là 205.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 11/5/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Các yêu cầu khác trong đơn khởi kiện tôi xin rút. Đây là khoản tiền riêng của tôi không liên quan đến chồng tôi là ông Nguyễn Chí X, vì thời điểm chồng tôi còn sống thì chính ông X là người ký ở mục người làm chứng ở Biên bản ngày 14/10/2023 mà tôi đã giao nộp cho Toà án. Đề nghị Toà án không đưa ông Nguyễn Chí X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại bản tự khai đề ngày 05/5/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Năm 2018, gia đình tôi (tôi, vợ tôi và con dâu tôi) có vay tiền của bà Nguyễn Thị C số tiền là 370.000.000 đồng (vay 02 lần). Cụ thể:

- Lần 1: Tháng 01/2018, gia đình tôi có vay bà C số tiền 130.000.000 đồng; Thoả thuận lãi: Lãi suất tính là 1%/01 tháng.

- Lần 2: Tháng 8/2018, gia đình tôi có vay bà C số tiền 240.000.000 đồng; Thoả thuận lãi: Lãi suất tính là 1%/01 tháng.

Mục đích vay của cả hai lần là để làm nhà và để đi làm ăn. Sau khi nhận tiền, gia đình tôi đã trả được tổng số gốc là 165.000.000 đồng tiền gốc (trả vào đầu năm khoảng năm 2023) và lãi là 235.000.000 đồng (lãi trả hàng tháng từ khi vay đến cuối năm 2023, mốc cụ thể thời gian tôi không nhớ).

Sau đó do kinh tế gia đình quá khó khăn, chúng tôi không có khả năng trả nợ nữa. Gia đình tôi cũng đã nhiều lần đến nói chuyện và thương lượng với bà C về cách trả nợ nhưng không được.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu:

Buộc chúng tôi gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và chị Lê Thị Mỹ U phải trả nợ cho bà C số tiền: 255.300.000 (Hai trăm lăm mươi lăm triệu ba trăm nghìn đồng) và tiền lãi tính từ tháng 4/2025 đến ngày xử án sơ thẩm. Gia đình tôi chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 205.000.000 đồng còn số tiền lãi chúng tôi không có khả năng trả vì hai bên đã có thoả thuận không tính lãi từ tháng 5/2023 cho đến khi gia đình tôi trả hết nợ. Gia đình tôi có xin trả tiền bằng 13,5 thước ruộng nhưng bà C không đồng ý. Biên bản thoả thuận nhận nợ là con dâu tôi Lê Thị Mỹ U và chỉ có bà C và con dâu tôi giữ, tôi không có để cung cấp cho Toà.

Tại phiên toà, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu như trên, đề nghị Toà án buộc bị đơn trả lại số tiền nợ gốc là 205.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 11/5/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Tại phiên toà, bị đơn chỉ đồng ý trả tiền nợ gốc là 205.000.000đ và không đồng ý trả tiền lãi vì lý do hai bên đã thoả thuận lại không tính lãi.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự là đúng pháp luật.

* Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hà Nội đề nghị HĐXX áp dụng các điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 157, điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 275, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Thị Mỹ U có trách nhiệm liên đới phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc theo Giấy xác nhận vay tiền đề ngày 11/8/2018 và Biên bản ngày 14/10/2023 là 205.000.000 đồng (Hai trăm linh năm triệu đồng).

- Buộc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Thị Mỹ U có trách nhiệm liên đới phải thanh toán số tiền nợ lãi từ ngày 11/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 23.532.877 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 228.532.877 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhận định về tố tụng:

1.1. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn cư trú trên địa bàn huyện Q (cũ) nên việc thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hà Nội) là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là bà Nguyễn Thị T1 và chị Lê Thị Mỹ U có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bà T1, chị Mỹ U là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Nhận định về nội dung vụ án.

2.1. Xét yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền 205.000.000đ nợ gốc theo Giấy xác nhận vay tiền ngày 11/8/2018 và Biên bản ngày 14/10/2023.

Căn cứ giấy xác nhận vay tiền ngày 11/8/2018 và Biên bản ngày 14/10/2023 cùng lời khai của nguyên đơn và lời khai của bị đơn thì có đủ căn cứ xác định: Sự việc ông T, bà T1, chị Mỹ U vay bà C số tiền 240.000.000đ đều được hai bên thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Đây là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án.

Các bên đều xác nhận việc bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền gốc là 205.000.000đ nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả lại số tiền nợ gốc là 205.000.000đ là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 11/5/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn có yêu cầu về tiền lãi như trên. Bị đơn không đồng ý vì cho rằng hai bên đã thoả thuận lại là không tính lãi từ tháng 5/2023.

Tại biên bản ngày 14/10/2023 các bên đều xác nhận: Từ tháng 5/2023, ông T, bà T1, chị Mỹ U chưa thanh toán được tiền lãi và tiền gốc vay vẫn giữ nguyên là 240.000.000đ. Các bên thống nhất nội dung trong biên bản là: Gia đình ông T và chị Mỹ U trả bà C mỗi tháng 5.000.000đ, khi nào có nhiều tiền sẽ trả hơn và trả hết cho bà C. Ngoài ra, bị đơn là chị Mỹ U có ghi thêm nội dung: Bắt đầu trả gốc 5.000.000đ/tháng tính từ 10/11/2023 chị U sẽ trả cho bà C hàng tháng. Khi nào có điều kiện sẽ trả sớm và nhiều hơn cho bà C. Nếu không trả đúng gốc theo hàng tháng, chị U sẽ trả lãi thêm.

Xét thấy, Biên bản ngày 14/10/2023 có chữ ký của bà C, ông T, bà T1 và chị Mỹ U là việc các bên thoả thuận lại về thời hạn trả nợ và số tiền hàng tháng phải trả. Tuy nhiên, việc thoả thuận lại này các bên không thoả thuận cụ thể về việc tính lãi suất. Nguyên đơn cho rằng do bị đơn không trả tiền đúng hàng tháng theo cam kết thì phải chịu tiền lãi theo mức đã thuận trước đó là 1%/tháng. Bị đơn cho rằng hai bên đã thoả thuận lại là bị đơn không phải chịu lãi suất nên đây là trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất nên HĐXX xác định lãi suất được tính bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS 2015 tại thời điểm trả nợ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC.

Các bên xác nhận, từ 10/11/2023 đến 10/5/2024, hàng tháng bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 35.000.000đ (Mỗi lần 5.000.000đ). Vì vậy, thời điểm phía bị đơn phải chịu tiền lãi theo mức 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 là từ ngày 11/5/2024.

Vì vậy, số tiền lãi mà phía bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là:

$205.000.000đ \times 10\%$ (từ ngày 11/5/2024 đến ngày 10/5/2025) + $205.000.000đ \times 10\% : 365 \times 54$ ngày (từ ngày 11/5/2025 đến ngày 03/7/2025) = 23.532.877đ.

Vì vậy, số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận là: 23.532.877 đồng. Tổng cả gốc và lãi là: 228.532.877 đồng.

Do giấy xác nhận vay tiền ngày 11/8/2018, ông T, bà T1, chị Mỹ U đều xác nhận mục đích vay tiền để sử dụng vào việc xây dựng nhà - Là tài sản chung của gia đình. Cả ba người đều không có thoả thuận phân chia nghĩa vụ trả nợ riêng của từng người nên HĐXX xác định ông T, bà T1 và chị Mỹ U phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 275 và Điều 288 BLDS 2015.

3. Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 143, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Nguyễn Thị Mỹ U1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 143, 144, 147, 157, điểm d khoản 1 Điều 192, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 275, 288, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Thị Mỹ U có trách nhiệm liên đới phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị C số tiền nợ gốc theo Giấy xác nhận vay tiền đề ngày 11/8/2018 và Biên bản ngày 14/10/2023 là 205.000.000 đồng (Hai trăm linh năm triệu đồng).

- Buộc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Thị Mỹ U có trách nhiệm liên đới phải thanh toán số tiền nợ lãi từ ngày 11/5/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm là: 23.532.877 đồng (Hai mươi ba triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi là: 228.532.877 đồng (Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1, chị Lê Thị Mỹ U mỗi người phải chịu 3. 808.000 đồng (Ba triệu tám trăm linh tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T1 và chị Lê Thị Mỹ U mỗi người

phải chịu 1/3 (Một phần ba) nghĩa vụ trả nợ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn là ông T có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn là bà T1, chị Mỹ U có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND khu vực 10 - Hà Nội;
- Phòng THADS khu vực 10 - Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Đình Sáng